

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 66/2024/DS-ST

Ngày: 31 - 5 - 2024

V/v “Tranh chấp đòi lại tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thế Mạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Chánh.

2. Bà Huỳnh Thị Kim Kiên.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng Nhi – Thư ký tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa tham gia phiên tòa:**
Ông Mai Văn Thông – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 1185/2023/TLST-DS ngày 29 tháng 12 năm 2023 về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2024/QĐST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 623/2024/QĐST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Trần Văn H, sinh năm 1978.

Địa chỉ: A, tổ D, khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quốc H1, sinh năm 1996.

Địa chỉ liên hệ: Công ty L - Đường N, tổ B, khu phố D, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Theo hợp đồng ủy quyền ngày 29/11/2023)

- **Bị đơn:** Bà Trương Thị Kim Y, sinh năm 1965.

Địa chỉ: 1, tổ F, khu phố C, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Đới Thị M, sinh năm 1989.

Địa chỉ: A, tổ D, khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xin vắng mặt còn

bị đơn vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – ông Nguyễn Quốc H1 trình bày:* Do quen biết cũng như qua lời tự giới thiệu của bà Trương Thị Kim Y, thì bà Y có quen biết và có các mối quan hệ nên có thể lo cho ông H thủ tục tách thửa đối với quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 43, 76 tờ bản đồ số: 82 tại xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Tuy nhiên, bà Y có yêu cầu ông H đưa cho bà Y số tiền 700.000.000 (*bảy trăm triệu*) đồng để cho bà Y thực hiện việc tách thửa cho ông H. Bà Y cam kết trong vòng 01 tháng nếu không hoàn tất việc tách thửa sẽ hoàn trả lại cho toàn bộ số tiền nêu trên cho ông H.

Do đó, ngày 10/12/2021 ông H đã giao cho bà Y tổng số tiền 700.000.000 (*bảy trăm triệu*) đồng để bà Y thực hiện công việc như các bên đã thỏa thuận. Để đảm bảo, việc giao nhận tiền được lập thành tờ Biên nhận đề ngày 10/12/2021 có chữ ký xác nhận của bà Y.

Sau khi nhận tiền của ông H, bà Y không thực hiện công việc và không hoàn thành được công việc như đã cam kết. Sau nhiều lần yêu cầu bà Y hoàn trả số tiền nêu trên cho ông H, đến ngày 13/7/2022, tại nhà bà Y, ông H và bà Y đã tiến hành xác nhận lại số tiền mà bà Y phải trả cho ông H là 700.000.000 (*bảy trăm triệu*) đồng. Để đảm bảo, bà Y có bàn giao cho ông H bộ khung ước bao gồm Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và Thỏa thuận giá trị tài sản được ký kết giữa bà Y và Ngân hàng TMCP Q (V) để làm tin. Việc giao nhận tài liệu này được lập thành Giấy biên nhận đề ngày 13/7/2023, có chữ ký xác nhận của các bên.

Cũng theo Giấy biên nhận trên, các bên đồng ý rằng, chậm nhất trong vòng 16 (*mười sáu*) tháng kể từ ngày 13/7/2022, bà Y phải trả lại ông H số tiền 700.000.000 (*bảy trăm triệu*) đồng mà bà Y đã nhận của ông H trước đó. Tuy nhiên, hiện tại đã hết hạn nêu trên nhưng bà Y đã không thực hiện như những gì đã cam kết và không trả lại cho ông H số tiền 700.000.000 (*bảy trăm triệu*) đồng nêu trên.

Nhận thấy bà Y nhận 700.000.000 (*bảy trăm triệu*) đồng và cam kết thực hiện công việc cho ông H nhưng sau đó không thực hiện công việc và cũng không trả lại cho ông H số tiền đã nhận là xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của ông H.

Do đó, ông H làm đơn này, yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xem xét giải quyết: Buộc bà Trương Thị Kim Y phải trả lại cho ông H số tiền 700.000.000 (*bảy trăm triệu*) đồng mà bà Y đã nhận của ông H. Ông H đồng ý trả lại bộ K bao gồm: Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và Thỏa thuận giá trị tài sản được ký kết giữa bà Y và Ngân hàng TMCP Q (V) ngay khi bà Y trả lại cho ông H số tiền nêu trên.

Ngoài ra, ông H không còn yêu cầu nào khác.

** Bị đơn – bà Trương Thị Kim Y đã được Tòa án tổng đạt (bằng hình thức đăng thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng) theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự để biết đến Tòa án làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng đều vắng mặt không có lý do và cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến của mình về các vấn đề cần giải quyết trong vụ án. Do đó, Tòa án không ghi nhận được ý kiến trình bày của bị đơn.*

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Đới Thị M trình bày:* Ông Trần Văn H là chồng của tôi. Do quen biết cũng như qua lời tự giới thiệu của bà Trương Thị Kim Y, thì bà Y có quen biết và có các mối quan hệ nên có thể lo cho chúng tôi thủ tục tách thửa đối với quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 43, 76 tờ bản đồ số: 821 tại xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Tuy nhiên, bà Y có yêu cầu chúng tôi phải đưa cho bà Y số tiền 700.000.000 (bảy trăm triệu) đồng để cho bà Y thực hiện việc tách thửa. Bà Y cam kết trong vòng 01 tháng nếu không hoàn tất việc tách thửa sẽ hoàn trả lại cho toàn bộ số tiền nêu trên cho chúng tôi.

Do đó, ngày 10/12/2021 chồng tôi là anh Trần Văn H đã đứng ra giao cho bà Y tổng số tiền 700.000.000 (bảy trăm triệu) đồng (số tiền này là tài sản chung của vợ chồng chúng tôi) để bà Y thực hiện công việc như các bên đã thỏa thuận. Để đảm bảo, việc giao nhận tiền được lập thành tờ Biên nhận đề ngày 10/12/2021 có chữ ký xác nhận của bà Y. Sau khi nhận tiền của chúng tôi, bà Y không thực hiện công việc và không hoàn thành được công việc như đã cam kết. Sau nhiều lần yêu cầu bà Y hoàn trả số tiền nêu trên, đến ngày 13/7/2022, tại nhà bà Y, chồng tôi và bà Y đã tiến hành xác nhận lại số tiền mà bà Y cần phải trả cho chúng tôi là 700.000.000 (bảy trăm triệu) đồng. Để đảm bảo, bà Y có bản giao cho chồng tôi bộ khung bao gồm Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và Thỏa thuận giá trị tài sản được ký kết giữa bà Y và Ngân hàng TMCP Q (V) để làm tin. Việc giao nhận tài liệu này được lập thành Giấy Biên nhận đề ngày 13/7/2022, có chữ ký xác nhận của các bên.

Cũng theo Giấy biên nhận trên, các bên đồng ý rằng, chậm nhất trong vòng 16 (mười sáu) tháng kể từ ngày 13/7/2022, bà Y phải trả lại cho chồng tôi số tiền 700.000.000 (bảy trăm triệu) đồng mà bà Y đã nhận. Tuy nhiên, hiện tại đã hết hạn nêu trên nhưng bà Y đã không thực hiện như những gì đã cam kết và không trả lại cho chúng tôi số tiền 700.000.000 (bảy trăm triệu) đồng nêu trên.

Nhận thấy bà Y nhận 700.000.000 (bảy trăm triệu) đồng và cam kết thực hiện công việc cho chúng tôi nhưng sau đó không thực hiện công việc và cũng không trả lại cho chúng tôi số tiền đã nhận là xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của chúng tôi. Vì trong quá trình làm việc với bà Y, chồng tôi – Trần Văn H là người đại diện trên các giấy tờ, Do đó, chồng tôi đã khởi kiện yêu

cầu Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xem xét giải quyết: *Buộc bà Trương Thị Kim Y phải trả lại cho ông H số tiền 700.000.000 (bảy trăm triệu) đồng mà bà Y đã nhận của ông H. Ông H đồng ý trả lại bộ K bao gồm: Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và Thỏa thuận giá trị tài sản được ký kết giữa bà Y và Ngân hàng TMCP Q (V) ngay khi bà Y trả lại cho ông H số tiền nêu trên thì tôi hoàn toàn đồng ý.*

*** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:**

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

- Về việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự còn bị đơn không chấp hành đúng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và các quy định của pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Trương Thị Kim Y trả lại số tiền 700.000.000 (bảy trăm triệu) đồng đã nhận của ông Trần Văn H. Ông H có trách nhiệm trả lại các giấy tờ đã nhận của bà Trương Thị Kim Y. Bà Y phải nộp án phí DSST theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn trả lại số tiền 700.000.000 (bảy trăm triệu) đồng đã nhận theo Giấy Biên nhận đề ngày 13/7/2022. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp đòi lại tài sản” được quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Theo kết quả trả lời xác minh ngày 14/3/2024 của Công an phường B, TP ., tỉnh Đồng Nai (bút lục số 46) thì bị đơn (bà Trương Thị Kim Y) có đăng ký hộ khẩu thường trú tại 1, tổ F, khu phố C, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Tuy nhiên, bà Y đã bán nhà đi khỏi địa phương từ tháng 10 năm 2023. Hiện nay bà Y làm gì, ở đâu địa phương không biết. Ngoài địa chỉ trên giấy biên nhận tiền (đã cung cấp theo hồ sơ khởi kiện) thì nguyên đơn không biết và không cung cấp được địa chỉ thực tế bị đơn đang cư trú, sinh sống. Như vậy, trường hợp này nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ, đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn (thời điểm các bên thỏa thuận, giao kết với nhau) nên có cơ sở xác định nơi cư trú cuối cùng của bị đơn là ở

địa chỉ 151/21, tổ F, khu phố C, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

[1.3] Về việc vắng mặt của đương sự: Bị đơn không còn cư trú, sinh sống tại địa chỉ đã cung cấp cho nguyên đơn (*thời điểm các bên thỏa thuận và giao kết với nhau*) theo như kết quả trả lời xác minh ngày 14/3/2024 của Công an phường B, TP ., tỉnh Đồng Nai (*bút lục số 46*). Việc bị đơn thay đổi địa chỉ cư trú mà không thông báo cho nguyên đơn theo khoản 3 Điều 40 của Bộ luật Dân sự thì được coi là cố tình che giấu địa chỉ, trốn tránh thực hiện nghĩa vụ. Căn cứ khoản 2 Điều 5, điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án tiến hành giải quyết theo vụ án theo thủ tục chung.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt (*bằng hình thức đăng thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng*) theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự để bị đơn biết liên hệ đến Tòa án làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng đều vắng mặt không có lý do và cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến của mình về các vấn đề cần giải quyết trong vụ án. Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia đầy đủ theo giấy triệu tập, thông báo của Tòa án đã cung cấp đầy đủ tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự.

[2] Về pháp luật nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập có căn cứ xác định giữa nguyên đơn (ông H và bị đơn (bà Y) có xác lập thỏa thuận việc ông H đưa cho bà Y số tiền 700.000.000 (*bảy trăm triệu*) đồng để bà Y lo làm thủ tục tách thửa, sang tên quyền sử dụng đất cho ông H là có thật. Bởi lẽ;

[2.1] Tại giấy biên nhận ngày 10/12/2021 có nội dung “*Hôm nay, ngày 10/12/2021 tôi có nhận của ông bà Trần Văn H số tiền 700.000.000 (bảy trăm triệu) trong thời gian kể từ ngày hôm nay là 01 tháng phải hoàn tất công việc (37 số) tên H*”. Do bà Y không thực hiện đúng cam kết đã thỏa thuận trên nên vào ngày 13/7/2022, ông H và bà Y tiếp tục làm giấy biên nhận với nội dung “*xác nhận lại số tiền 700.000.000 đồng mà bà Y phải trả cho ông H chậm nhất trong vòng 16 tháng kể từ ngày hôm nay (tức từ ngày 13/7/2022) và ông H có nhận của bà Y một số giấy tờ (liên quan đến khoản vay tín dụng giữa Ngân hàng TMCP Q với bà Y) để làm tin*”. Mặc dù ông H đã nhiều lần yêu cầu nhưng cho đến nay bà Y vẫn không thực hiện cam kết đã thỏa thuận. Do đó, ông H căn cứ các giấy biên nhận ngày 10/12/2021 và ngày 13/7/2022 đều có chữ ký xác nhận của bà Y để khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Y phải có

trách nhiệm trả lại số tiền 700.000.000 (*bảy trăm triệu*) đồng đã nhận là có cơ sở.

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt (*bằng hình thức đăng thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng*) theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự để bà Y biết liên hệ đến Tòa án làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng đều vắng mặt không có lý do và cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến của mình về các yêu cầu khởi kiện của ông H. Do đó, xem như bà Y đã từ chối cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình và mặc nhiên thừa nhận lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của ông H là đúng.

Từ những phân tích trên, căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 40, Điều 166 của Bộ luật dân sự cũng như ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát: Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Trương Thị Kim Y phải trả lại cho ông Trần Văn H số tiền là 700.000.000 (*bảy trăm triệu*) đồng đã nhận.

[2.3] Đối với các giấy tờ ông H đã nhận của Y theo giấy biên nhận ngày 13/7/2022, bao gồm 01 Hợp đồng tín dụng số 9731574.22 ngày 27/4/2022; 01 Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 3825739.22.628 ngày 05/5/2022; 01 Biên bản giao nhận tài sản bảo đảm ngày 05/5/2022 và 01 bản thỏa thuận giá trị tài sản bảo đảm ngày 25/4/2022 (*tất cả đều được ký kết giữa bà Y và Ngân hàng TMCP Q*): Bà Y vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến và yêu cầu gì đối với các giấy tờ đã giao cho ông H để làm tin (*thể hiện bà Y có tài sản trả lại cho ông H nếu không thực hiện đúng thỏa thuận đã cam kết*) nói trên. Tuy nhiên, xét thấy đây là các giấy tờ cá nhân, không liên quan đến nghĩa vụ phải Thi hành án trong vụ án này. Do đó, ông H phải có trách nhiệm trả lại cho bà Y các giấy tờ đã nhận trên. Nếu ông H không trả thì bà Y được quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

[2.4] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đới Thị M: Tại bản tự khai ngày 17/4/2024 bà M trình bày bà là vợ của ông Trần Văn H, số tiền 700.000.000 đồng mà ông H khởi kiện yêu cầu bà Y phải có trách nhiệm trả lại là tiền chung của vợ chồng. Tuy nhiên, vì trong quá trình làm việc, thỏa thuận với bà Y (*về việc đưa số tiền 700.000.000 đồng để bà Y lo làm thủ tục tách thửa, sang tên quyền sử dụng đất*) thì ông H là người đại diện trên các giấy tờ. Do đó, bà hoàn toàn đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông H và không có yêu cầu nào khác. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn phải chịu án phí DSST theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Ý kiến phát biểu quan điểm của Kiểm sát viên về đường lối giải quyết vụ án phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 và Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Khoản 3 Điều 40, Điều 166, Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự;
- Khoản 2 Điều 5, điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn H.

Buộc bà Trương Thị Kim Y phải có nghĩa vụ trả cho ông Trần Văn H số tiền 700.000.000 (*bảy trăm triệu*) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (*đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án*) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (*đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án*) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí DSST: Bà Trương Thị Kim Y phải nộp 32.000.000 (*Ba mươi hai triệu*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Trần Văn H số tiền 16.000.000 (*Mười sáu triệu*) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001830 ngày 20/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- THADS TP. Biên Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu VP – HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thế Mạnh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

